**Bài số 1**

1. Nếu sản phẩm X tăng lên, các điều kiện khác không thay đổi thì:

a. Phần chi tiêu sản phẩm X tăng lên.

b. Sản phẩm tăng lên

c. khối lượng tiêu thụ sản phẩm X tăng lên

d. khối lượng tiêu thụ sản phẩm X giảm xuống \*

2. Hàng hóa A là hàng thứ cấp. Nếu giá của A giảm đột ngột còn một nửa. Tác động thay thế làm cầu hàng A:

a. giảm còn một nửa

b. tăng lên gấp đôi.

c. các câu còn lại đều sai. \*

d. tăng ít hơn gấp đôi

3. Giá của sản phẩm X tăng lên dẫn đến phần chi tiêu cho sản phẩm X tăng lên, thì hệ số co dãn của cầu theo giá sản phẩm là?

a. ED>1

b. ED<1\*

c. ED=0

d. ED=1

4. Thông thường, gánh nặng của một khoản thuế người sản xuất và người tiêu dùng đều phải chịu nhiều hay ít phụ thuộc vào độ co dãn tương đối giữa cung và cầu. Trong điều kiện nào thì người tiêu dùng phải chịu phần lớn số thuế

a. Cung co dãn ít hơn so với cầu

b. Cầu co dãn ít hơn so với cung \*

c. Cầu hoàn toàn co dãn

5. Trong trường hợp nào đường cung của Pepsi dời sang phải :

a.Thu nhập của người có thể mua nước ngọt giảm

b.Giá nguyên liệu tăng

c.Giá của CoKe tăng

d.Không có trương hợp nào \*

6. Hãy sắp xếp các đường cầu ở hình sau theo thứ tự độ co dãn lớn nhất (về giá trị tuyệt đối) đến nhỏ nhất ở điểm cắt, như hình vẽ sau:

a. chưa đủ thông tin để kết luận

b. C,A,B

c. B,C,A

d. A,B,C

7. Nếu hai sản phẩm X và Y là 2 sản phẩm thay thế thì:

a. EXY>0 \*

b. EXY=0

c. EXY<0

d. EXY=1

8. Đường câu theo giá của bột giặt OMO chuyển sang phải là do:

a. giá các loại bột giặt khác đang tăng \*

b. giá bột giặt OMO giảm

c. giá các loại bột khác giảm

9. Trong mô hình nền kinh tế hỗn hợp các vấn đề kinh tế cơ bản được giải quyết:

a. thông qua thị trường

b. thông qua thị trường và kế hoạch của chính phủ \*

c. không có đáp án đúng

d. thông qua kế hoạch của chính phủ

10. Mỗi xã hội cần phải giải quyết vấn đề kinh tế nào sau đây:

a. sản xuất cái gì?

b. sản xuất cho ai?

c. tất cả đáp án còn lại \*

d. sản xuất cái gì?

11. Vấn đề khan hiếm tồn tại:

a. chỉ trong các nền kinh tế thị trường

b. chi khi con người không tối ưu hóa hành vi

c. chỉ trong nền kinh tế tập trung

d. trong tất cả các nền kinh tế \*

12. Một nền kinh tế hỗn hợp bao gồm:

a. cả cơ chế chứng thực và chuẩn tắc

b. cả nội thương và ngoại thương

c. cả cơ chế mệnh lệnh và thị trường \*

d. cả ngành đóng và mở

13. Bộ phận nào của nền kinh tế học nghiên cứu các quyết định của hãng sản xuất và hộ gia đình:

a. kinh tế học vi mô \*

b. kinh tế học chuẩn tắc

c. kinh tế học vĩ mô

d.

14. Giả sử trên thị trường cung cấp 2 loại thực phẩm là xe máy và xăng, cho hàm cầu về xe máy:

Qx=1000-5Py

Trong đó Qx là lượng cầu đối với xe máy và Py là giá xăng (hàng hóa liên quan). Tính hệ số co dãn cầu giao của 2 loại hàng hóa tại mức Py=40.

a. 0.03

b. -0.25 \*

c. 0.034

d. -0.02

15. Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng:

P=Qs+5

P=-1/2Qd+20

Giá và sản lượng cân bằng là: ⬄ giải hệ phương trình => Q,P

a. Q=8 và P=16

b. Q=20 và P=10

c. Q=10 và P=15 \*

d. Q=5 và P=10

16. Cho hàm cầu của hàng hóa A: Q=10I+100

..

(I-thu nhập, đơn vị: triệu đồng; Q-sản lượng, đơn vị: chiếc)

Tính co giãn cầu theo thu nhập của hàng hóa đó tại mức thu nhập 15 triệu đồng (bằng phương pháp điểm cầu)

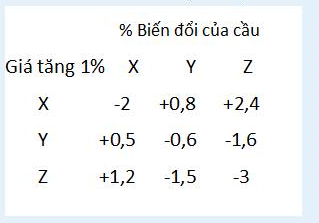
a. EI=0.56

b. EI=0.76

c. EI=0.65 \*

d. EI=0.45

17. Biểu số liệu dưới đây là kết quả tính toán của bộ phận nghiên cứu thị trường của hãng X:



X và Y là 2 sản phẩm:

a. độc lập

b. thay thế nhau

c. cao cấp

d. bổ sung cho nhau

18. Cho hàm cung và hàm câu của một loại mặt hàng hóa trên thị trường như sau:

Cung: P=0.5Q+1.5

Cầu: P=27-Q

P: Đơn vị nghìn đồng, Q: kilogam

Nếu chính phủ đánh thuế 1 nghìn đông/1kg hàng hóa này. Giá và sản lượng cân bằng của thị trường là bao nhiêu?

a. Q=16,33 kg, P=10,67 nghìn đồng

b. Q=16,67 kg, P=10,33 nghìn đồng \*

c. Q=16 kg, P=10 nghìn đồng

d. Q=16,5 kg, P=10,5 nghìn đồng

19. Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng:

P=Qs+5

P=-1/2Qd+20

Muốn giá cân bằng P=18, thì hàm cung mới có dạng :

a. P=Qs-13

b. P=Qs+13

c. P=Qs-14

d. P=Qs+14 \*

**Bài số 2**

1. Trong thực tế, cốc bia thứ 4 không mang lại sự thỏa mãn nhiều bằng cốc bia thứ 3. Đây là ví dụ vê:

a. nghịch lý về giá trị

b. dụng ích biên giảm dần \*

c. thặng dư tiêu dùng

d. tổng dụng ích giảm dần

2. Khi dụng ích biên dương thì tổng dụng ích:

a. tăng lên \*

b. không có đáp án

c. không đổi

d. giảm đi

3. Khi thu nhập giảm đi hai lần, giá của các loại hàng hóa cũng giảm đi 2 lần. câu nào dưới đây vẫn đúng:

a. điểm kết hợp tiêu dùng tối ưu vẫn giữ nguyên

b. độ dốc đường ngân sách tăng lên

c. độ dốc đường ngân sách dịch chuyển \*

d. độ dốc đường ngân sách giảm đi

4. Tỷ lệ thay thế biên giữa 2 sản phẩm X và Y ( MRSy,x ) thể hiện:

a. tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trong tiêu dùng khi tổng mức thỏa mãn không đổi \*

b. tỷ lệ đánh đổi giữa 2 sản phẩm trên thị trường

c. tỷ lệ năng suất biên giữa 2 sản phẩm

d.

6. Dụng ích biên (MU) đo lường:

a. tỷ lệ thay thế biên

b. độ dốc của đường ngân sách

c. độ dốc đường đẳng ích

d. mức thỏa mãn tăng thêm khi sử dụng thêm một đươn vị sản phẩm, trong khi các yếu tố khác không đổi \*

7. Mối quan hệ giữa đường ngân sách và đường bàng quan tại điểm tiêu dùng tối ưu:

a. không có đáp án đúng

b. độ dốc đường ngân sách nhỏ hơn độ dốc đường bàng quan

c. độ dốc đường ngân sách lớn hơn độ dốc đường bàng quan

d. độ dốc đường ngân sách bằng độ dốc đường bàng quan \*

8. Độ dốc của đường bàng quan phản ánh:

a. sự ưa thích là hoàn chỉnh

b. sự ưa thích có tính bắc cầu

c. tỷ lệ thay thế giữa 2 hàng hóa \*

d. các trường hợp trên đều sai

9. Khi giá của hàng hóa bình thường giảm, người tiêu dùng mua hàng hóa này nhiều hơn, đó là hệ quả của:

a. tác động thay thế và tác động thu nhập

b. tác động thay thế hoặc tác động thu nhập

c. tác động thay thế \*

d. tác động thu nhập

13. Một người tiêu thụ 2 sản phẩm X và Y, mức thỏa mãn được thể hiện qua hàm số:

TUx = -3/2X^2+10X

TUy = -1/2Y^2+20Y

Lợi ích biên của hai sản phẩm là:

a. MUx = -6X+10; MUy = -Y+20

b. MUx = 6X+10; MUy = -2Y+20

c. MUx = -3X+10; MUy = -Y+20 \*

d. không có đáp ản đúng

14. Tỷ số giá giữa hai hàng hóa là 1:3. Nếu Mai đang tiêu dùng số lường hàng hóa X và Y ở mức MUx / MUy = 3:1 . Để tối đa hóa lợi ích tổng lợi ích, bạn đó phải:

a. vẫn giữ nguyên tiêu dùng hiện tại \*

b. tăng Y và giảm X

c. tăng X và giảm Y

d. tăng giá của X

15. Một người tiêu dùng có thu nhập I = 300, chi tiêu hết cho 2 sản phẩm X và Y với Px = 10 đ/sp, Py = 40 đ/sp. Hàm tổng dụng ích thể hiện qua hàm TU = (X - 4)\*Y. tổng dụng ích tối đa là:

a. TU = 55,5

b. TU = 45,5

c. TU = 45,25

d. TU = 42,25 \*

**Bài số 3**

**Bài số 4**

1. Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: TC=255 + 10\*Q + Q\*Q. Giá đóng cửa sản xuất của DN là

a. 20

b. 41,9

c. 25

d. 10 \*

2. Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : Qs = 0,25Ps – 2; (D) : Qd = 34 – 0,5Pd. Khi chính phủ áp đặt mức giá P = 40, trên thị trường sẽ:

a. Không có đáp án đúng

b. Dư thừa 6 sản phẩm

c. Thiếu hụt 6 sản phẩm \*

d. Thiếu hụt 14 sản phẩm

3. Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn: MC = 10 + 2\*Q; Chi phí cố định FC = 255 Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:

a. P=10; Q=0

b. P=25; Q=7,5

c. P=41,937; Q=15,968 \*

d. P=15,968; Q=41,937

4. Một doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất 100 sản phẩm, tổng chi phí cố định là 300, chi phí biên = chi phí trung bình = 15. Tại mức sản lượng trung bình 50, chi phí biên = chi phí biến đổi bình quân = 10. Giá bán sản phẩm trên thị trường là 14. Tại mức sản lượng hiện tại, doanh nghiệp đang:

a. Bị lỗ và phần lỗ lớn hơn tổng chi phí cố định.

b. Lợi nhuận bằng không

c. Bị lỗ và phần lỗ nhỏ hơn tổng chi phí cố định \*

d. Bị lỗ và phần lỗ bằng tổng chi phí cố định

5 . Với chi phí sản xuất không đổi TC = 15.000 để mua 2 yếu tố K và L với giá PK = 600, PL = 300. Hàm sản xuất được cho Q = 2\*K\*(L-2). Sản lượng tối đa đạt được:

a. Q = 380

b. Q = 580

c. Q = 576 \*

d. Q = 560

6. Để tối đa hóa lượng bán mà không bị lỗ, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất theo nguyên tắc:

a. P = ACmin

b. MC = MR

c. MC = P

d. AC = P \*

The correct answer is: AC = P.

7. Nếu doanh thu cận biên của một hãng cạnh tranh hoàn hảo lớn hơn chi phí cận biên, hãng:

Select one:

a. Nên tăng sản lượng \*

b. Đang có lợi nhuận

c. Nên đóng cửa

d. Nên giảm sản lượng

Feedback

The correct answer is: Nên tăng sản lượng.

8. Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất ở mức sản lượng:

a. MC = AR

b. P = ACmin

c. MC = MR \*

d. MC = P

Feedback

The correct answer is: MC = MR.

9. Điểm đóng cửa sản xuất xảy ra ở điểm

a. Chi phí cận biên tối thiểu

b. Chi phí cố định bình quân tối thiểu

c. Tổng chi phí tối thiểu

d. Chi phí biến đổi bình quân tối thiểu

Feedback

The correct answer is: Chi phí biến đổi bình quân tối thiểu.

10. Với một nhà độc quyền bán, điều nào dưới đây là sai:

a. Đường cầu của ngành là đường cầu của nhà độc quyền

b. Không có mối quan hệ một – một duy nhất giữa giá và lượng bán

c. Với bất kỳ mức sản lượng nào lớn hơn 0, MR = AR \*

d. Tổng doanh thu đạt cực đại khi MR = 0

Feedback

The correct answer is: Với bất kỳ mức sản lượng nào lớn hơn 0, MR = AR.

11. Để tối đa hóa lượng bán mà không bị lỗ, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất theo nguyên tắc:

Select one:

a. P = ACmin

b. MC = MR

c. MC = P

d. AC = P \*

12. Nếu doanh thu cận biên của một hãng cạnh tranh hoàn hảo lớn hơn chi phí cận biên, hãng:

a. Nên tăng sản lượng \*

b. Đang có lợi nhuận

c. Nên đóng cửa

d. Nên giảm sản lượng

13. Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất ở mức sản lượng:

a. MC = AR

b. P = ACmin

c. MC = MR \*

d. MC = P

14. Điểm đóng cửa sản xuất xảy ra ở điểm

a. Chi phí cận biên tối thiểu

b. Chi phí cố định bình quân tối thiểu

c. Tổng chi phí tối thiểu

d. Chi phí biến đổi bình quân tối thiểu \*

15. Với một nhà độc quyền bán, điều nào dưới đây là sai:

a. Đường cầu của ngành là đường cầu của nhà độc quyền

b. Không có mối quan hệ một – một duy nhất giữa giá và lượng bán

c. Với bất kỳ mức sản lượng nào lớn hơn 0, MR = AR \*

d. Tổng doanh thu đạt cực đại khi MR = 0

16. Trong cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu cận biên (MR) của một hãng bằng :

Select one:

a. Doanh thu bình quân

b. Giá bán và Doanh thu bình quân.

c. Giá bán \*

d. Tổng doanh thu

17. Nhà độc quyền tối đa hóa lợi nhuận bằng cách:

a. Đặt mức giá cao nhất mà thị trường có thể chấp nhận

b. Sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó chi phí cận biên bằng giá

c. Đặt mức giá bằng chi phí cận biên

d. Sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó chi phí cận biên bằng doanh thu cận biên \*

18. Nhà độc quyền thường thu lợi nhuận kinh tế dương vì:

a. Việc nắm giữ rủi ro độc quyền đảm bảo lợi nhuận kinh tế

b. Họ nhận được trợ cấp của chính phủ

c. Các rào cản gia nhập ngăn chặn sự giảm giá \*

d. Khả năng định giá đảm bảo lợi nhuận kinh tế dương

19. Đường cung ngắn hạn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo là :

a. Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AVC \*

b. Phần đường chi phí biên nằm ở phía trên đường AC

c. Đường chi phí biên ngắn hạn của doanh nghiệp

d. Phần đường chi phí biên nằm ở phía dưới đường AVC

20. Một hãng đóng cửa tạm thời nếu tổng doanh thu không đủ bù đắp:

a. Chi phí sản xuất

b. Chi phí cố định cộng chi phí biến đổi \*

c. Chi phí biến đổi

d. Chi phí cố định

21. Cho hàm chi phí biên của DN trong ngắn hạn: MC = 8 + 2,4\*Q; Chi phí cố định FC = 172,8. Giá đóng cửa sản xuất của DN là:

a. 10

b. 20

c. 8 \*

d. 25

22. Một thị trường cạnh tranh hoàn hảo có hàm cung và hàm cầu như sau: (S) : Qs = 0,25Ps – 2; (D) : Qd = 34 – 0,5Pd. Khi chính phủ áp đặt mức giá P = 60, trên thị trường sẽ:

a. Sản phẩm cân bằng

b. Dư thừa 12 sản phẩm

c. Không có đáp án đúng

d. Dư thừa 9 sản phẩm \*

23. Hàm chi phí sản xuất cố định trung bình và biến đổi trung bình trong ngắn hạn của DN:

AFC = 201,6/Q;

AVC = 12 + 1,4\*Q.

Giá và sản lượng hòa vốn của DN là :

Select one:

a. P = 41,937; Q = 15,968

b. P = 12; Q = 36,8

c. P = 45,6; Q = 12 \*

d. P = 33,2; Q =10,5

24. Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của một DN cạnh tranh hoàn hảo:

AFC = 132,3/Q;

AVC = 1,2\*Q + 8.

Khi giá thị trường là 50, sản lượng và lợi nhuận cực đại của DN là :

a. Q = 0; Lợi nhuận = -132,3

b. Q = 17,5; Lợi nhuận = 235,2 \*

c. Q = 17,5; Lợi nhuận = -235,2

d. Q = 40; Lợi nhuận = 600

25. Một nhà sản xuất cần 2 yếu tố K và L để sản xuất sản phẩm X. Biết người này đã chi ra một khoản tiền là TC=300 để mua 2 yếu tố này với giá tương ứng PK=10; PL=20. Hàm sản xuất được cho bởi: Q=K\*(L-5). Sản lượng tối ưu đạt được:

a. Q=0

b. Q=50

c. Q=58

d. Q=42

**Bài số 5**

1. GNP theo chi phí cho yếu tố sản xuất bằng:

a. GNP theo giá thị trường trừ đi khấu hao và thuế gián thu

b. GNP theo giá thị trường trừ đi thuế gián thu \*

c. NI cộng khấu hao

d. GNP trừ đi khấu hao

2. Tính các chỉ tiêu sản lượng thực:

a. Lấy chỉ tiêu danh nghĩa chia cho chỉ số giá và Theo giá cố định

b. Theo giá cố định \*

c. Lấy chỉ tiêu danh nghĩa nhân với chỉ số giá

d. Lấy chỉ tiêu danh nghĩa chia cho chỉ số giá

3. GDP thực tế bằng:

a. GDP danh nghĩa được điều chỉnh theo lạm phát

b. GDP danh nghĩa trừ đi giá trị hàng hóa xuất khẩu

c. GDP danh nghĩa trừ đi giá trị trung gian

d. GDP danh nghĩa trừ đi khấu hao \*

4. Dạng đầu tư được tính vào GDP là:

a. Đầu tư vào hàng tồn kho \*

b. Đầu tư tài chính

c. Đầu tư vào tài sản cố định và Đầu tư vào hàng tồn kho: đều đúng

d. Đầu tư vào tài sản cố định

5. GDP thực tế đo lường theo mức giá............ , còn GDP danh nghĩa đo lường theo mức giá............

a. Của hàng hóa trung gian, của hàng hóa cuối cùng

b. Năm hiện hành, năm cơ sở

c. Năm cơ sở, năm hiện hành \*

d. Trong nước, quốc tế

6. Tổng sản phẩm quốc dân danh nghĩa năm 1990 là 398 tỷ, năm 2000 là 676 tỷ. Chỉ số giá năm 1990 là 91 và chỉ số giá năm 2000 là 111. Tổng sản phẩm quốc dân thực giữa năm 1990 và 2000 sẽ là:

a. Chênh lệch khoảng 70%

b. Chênh lệch khoảng 40%

c. Chênh lệch khoảng 90%

d. Giữ nguyên không thay đổi

7. Bất đẳng thức nào sau đây đúng:

a. GNP < GDP

b. GNP > 2/3GDP

c. GNP > GDP

d. Không có câu trả lời chắc chắn \*

8. Sản lượng tiềm năng là:

a. Các câu còn lại đều sai.

b. Mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được khi sử dụng 100% các nguồn lực

c. Mức sản lượng tối đa mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp bằng không.

d. Mức sản lượng mà nền kinh tế có thể đạt được tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên \*

9. Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở:

a. Mục đích sử dụng \*

b. Thời gian tiêu thụ

c. Tất cả các câu đều sai.

d. Là nguyên liệu và không phải là nguyên liệu

10. Sự chênh lệch giữa đầu tư và đầu tư ròng là:

a. Hao mòn tài sản cố định \*

b. Đầu tư hàng tồn kho

c. Không câu nào đúng

d. Đầu tư tài chính

11. Thu nhập khả dụng là:

a. Thu nhập tài sản ròng từ nước ngoài

b. Thu nhập của công chúng bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân

c. Thu nhập được quyền dùng tự do theo ý muốn của dân chúng \*

d. Tiết kiệm còn lại sau khi đã tiêu dùng

12. Khoản nào sau đây không phải là thuế gián thu

a. Thuế lợi tức công ty phải trả \*

b. Tất cả các câu trên đều đúng

c. Thuế tiêu thụ đặc biệt

d. Thuế giá trị gia tăng

13. Cầu nối giữa GNP danh nghĩa và GNP thực tế là:

a. Thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài

b. Chí số giá cả \*

c. Khấu hao

d. Không có câu nào đúng

14. Cộng hai khoản mục nào dưới đây là không đúng khi tính GDP hoặc GNP

a. Chi tiêu của chính phủ với tiền lương

b. Chi tiêu cho đầu tư và chi tiêu chính phủ

c. Tiêu dùng của dân cư và chi tiêu chính phủ

d. Lợi nhuận của công ty và lợi tức nhận được từ việc cho công ty vay tiền \*

15. GDP danh nghĩa (tỷ USD) năm 2004 là 20; năm 2005 là 25. Chỉ số giá năm 2004 là 100; năm 2005 là 114. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2005 là:

a. 9,65%

b. 11,24%

c. 7,73%

d. 14,54%

16. Cho nền kinh tế có 2 loại hàng hóa, có giá và sản lượng được cho theo bảng dưới đây: Năm 2010 Năm 2011 Giá (1000đ/kg) Sản lượng (kg) Giá (1000đ/kg) Sản lượng (kg) Gạo 1 100 1.5 200 Muối 3 300 4 400 Chọn mức giá năm 2010 làm gốc. GDP thực tế và danh nghĩa năm 2011 là:

a. GDPr=1400; GDPn=1900

b. GDPr=1000; GDPn=1400

c. GDPr=1000; GDPn=1350

d. GDPr=1350; GDPn=1900

**Bài số 6**

1. Phát biểu nào dưới đây không đúng:

a. Khi Yd=0 thì tiêu dùng vẫn là số dương

b. mpc+mps=1

c. mpc và mps luôn trái dấu nhau. \*

d. mpc không thể lớn hơn 1

2. Số nhân chi tiêu trong nền kinh tế mở là:

a. Không câu nào đúng

b. 1/[1-mpc(1-mpt)]

c. 1/mps

d. 1/[1-mpc(1-mpt) -mpi+ mpm] \*

3. Xu hướng tiêu dùng cận biên được tính bằng:

a. Tổng tiêu dùng chia cho tổng thu nhập khả dụng

b. Tổng tiêu dùng chia cho sự thay đổi của thu nhập khả dụng

c. Sự thay đổi của tiêu dùng chia cho tiết kiệm

d. Sự thay đổi của tiêu dùng chia cho sự thay đổi của thu nhập khả dụng \*

4. Khoản chi nào sau đây không phải là chi chuyển nhượng:

a. Tiền lãi về khoản nợ công cộng

b. Tiền lãi về khoản nợ công cộng và Tiền trả để giữ gìn an ninh xã hội \*

c. Tiền trả để giữ gìn an ninh xã hội

d. Tiền trợ cấp thất nghiệp

5. Khi thu nhập tăng, tổng chi tiêu:

a. Tăng

b. Không thay đổi

c. Tăng hay giảm phụ thuộc vào sự thay đổi của giá cả hàng hóa \*

d. Giảm

6. Nhân tố ổn định tự động của nền kinh tế là:

a. Tất cả các câu đều đúng. \*

b. Tỷ giá hối đoái

c. Thuế thu nhập lũy tiến và trợ cấp thất nghiệp

d. Lãi suất và tỷ giá hối đoái

7. Cho biết k=1/(1-mpc), đây là số nhân chi tiêu trong:

a. Tất cả các câu còn lại đều sai. \*

b. Nền kinh tế đóng, không có chính phủ

c. Nền kinh tế đóng, có chính phủ

d. Nền kinh tế mở

8. Số nhân chi tiêu của Chính phủ về hàng hóa dịch vụ:

a. bằng với số nhân của đầu tư \*

b. Nghịch đảo của số nhân đầu tư

c. Bằng với số nhân chi chuyển nhượng

d. 1 trừ số nhân đầu tư

9. Khuynh hướng tiết kiệm biên là:

a. Tất cả các câu đều đúng

b. Phần tiết kiệm tăng khi tiêu dùng giảm một đơn vị

c. Phần tiết kiệm tối thiểu khi thu nhập khả dụng bằng 0

d. Phần tiết kiệm tăng khi thu nhập khả dụng tăng một đơn vị \*

10. Tổng cầu về hàng hóa dịch vụ của một quốc gia phụ thuộc vào các quyết định của:

a. Tất cả các điều kể trên \*

b. Chính phủ

c. Người nước ngoài

d. Các hộ gia đình

11. Khuynh hướng tiết kiệm biên là:

a. Phần tiết kiệm tăng thêm khi thu nhập khả dụng Yd tăng thêm 1 đơn vị \*

b. Phần tiết kiệm tối thiểu khi thu nhập khả dụng Yd=0

c. Phần thu nhập còn lại sau khi đã tiêu dùng

d. Phần tiết kiệm tăng khi sản lượng tăng một đơn vị

12. Độ dốc của đường tiết kiệm bằng:

a. mps

b. mpm

c. 1- mps \*

d. mpc

13. Giả sử mpc=0,55; mpi=0,14; mpm=0,08; mpt=0,2. Số nhân của nền kinh tế mở sẽ là:

a. 3

b. 2,5

c. 2 \*

d. 1,5

14. Nền kinh tế có C = 200 + 0,9(1-0,1)Y; I = 400; G = 400; X = 250; M = 0,05Y + 50; sản lượng cân bằng của nền kinh tế là:

a. 4000

b. 5500

c. 5000

d. 4500 \*

15. Giả sử mpc=0,7; mpt=0,2; mpm=0,06; C0=38; T0=20; I0=100; G=120; X=40; IM0=38; Cán cân thương mại:

a. Thâm hụt 27,52

b. Cân bằng

c. Thâm hụt 39

d. Thâm hụt 16

**Bài số 7**

Question 1

KTHDC: Trong điều kiện lý tưởng, số nhân tiền tệ sẽ bằng:

Select one:

a. Một chia cho xu hướng tiêu dùng biên

b. Một chia cho xu hướng tiết kiệm biên

c. Một chia cho tỷ lệ cho vay

d. Một chia cho tỷ lệ dự trữ.

Question 2

KTHDC: Chính phủ có thể giảm bớt lượng cung ứng tiền trong nền kinh tế bằng cách:

Select one:

a. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc

b. Các câu còn lại đều đúng.

c. Tăng lãi suất chiết khấu

d. Bán chứng khoán của Chính phủ trên thị trường chứng khoán

Question 3

KTHDC: Mô tả nào dưới đây đúng nhất của hoạt động thị trường mở nhằm giảm mức cung tiền:

Select one:

a. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm tăng mức cung tiền

b. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm giảm khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền

c. Ngân hàng trung ương mua trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hang thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền

d. Ngân hàng trung ương bán trái phiếu chính phủ làm giảm dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm tăng khả năng cho vay và làm giảm mức cung tiền

Question 4

KTHDC: Để tăng lượng tiền mạnh (tiền cơ sở), ngân hàng trung ương sẽ:

Select one:

a. Tăng lãi suất chiết khấu

b. tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc

c. Bán trái phiếu Chính phủ trên thị trường mở

d. Mua ngoại tệ để duy trì tỷ giá không đổi

Question 5

KTHDC: Nếu lãi suất tăng lên sẽ dẫn đến giá chứng khoán trên thị trường:

Select one:

a. Giảm xuống

b. Không thay đổi

c. Không đủ thông tin để kết luận

d. Tăng lên

Question 6

KTHDC: Sự cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc do ngân hàng trung ương quy định sẽ:

Select one:

a. Dẫn tới cho vay được ít hơn và cung tiền giảm đi

b. Dẫn tới mở rộng các khoản tiền gửi và cho vay

c. Dẫn tới cho vay được nhiều hơn và dự trữ thực tế của ngân hàng thương mại giảm đi

d. Không tác động đến hoạt động của các ngân hàng thương mại

Question 7

KTHDC: Khi các yếu tố khác không đổi, mức giá tăng lên gấp hai lần có nghĩa là:

Select one:

a. Cung tiền thực tế tăng gấp đôi

b. Cung tiền danh nghĩa tăng gấp đôi

c. Cầu tiền danh nghĩa tăng gấp đôi

d. Cầu tiền thực tế tăng gấp đôi

Question 8

KTHDC: Dưới đây là ba kênh mà ngân hàng trung ương có thể sử dụng để giảm cung tiền

Select one:

a. Giảm dự trữ bắt buộc

b. Mua trái phiếu chính phủ

c. Bán trái phiếu chính phủ

d. Giảm lãi suất chiết khấu

Question 9

KTHDC: Khi ngân hàng TW bán công trái cho khu vực tư nhân, sẽ làm:

Select one:

a. Giảm mức cung tiền

b. Tăng mức cung tiền

c. Một chính sách hạn chế tín dụng sắp được thực hiện

d. Giảm lãi suất

Question 10

KTHDC: Cho biết tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi ngân hàng là 60%, tỷ lệ dự trữ so với tiền gửi ngân hàng là 20%. Khi ngân hàng trung ương mua một lượng trái phiếu 1 tỷ đồng sẽ làm cho lượng cung tiền tệ sẽ:

Select one:

a. Giảm 1 tỷ đồng

b. Tăng thêm 2 tỷ đồng

c. Tăng thêm 1 tỷ đồng

d. Giảm 2 tỷ đồng

Question 11

KTHDC: Ngân hàng trung ương có thể làm thay đổi lượng cung tiền trong nước bằng cách:

Select one:

a. Mua và bán chứng khoán của Chính phủ

b. Mua và bán ngoại tệ

c. Mua và bán chứng khoán của Chính phủ; Mua và bán ngoại tệ: đều đúng

d. Mua và bán chứng khoán của Chính phủ; Mua và bán ngoại tệ: đều sai

Question 12

KTHDC: Trong hàm số I=I0+mpi.Y-n.i; trong đó i là lãi suất, còn hệ số n phản ánh:

Select one:

a. Lượng tăng thêm của đầu tư khi lãi suất tăng thêm 1 %

b. Lượng giảm bớt của đầu tư khi lãi suất tăng thêm 1 %

c. Lượng giảm bớt của lãi suất khi đầu tư tăng thêm 1 đơn vị

d. Các đáp án đều sai.

Question 13

KTHDC: Cho bảng số liệu sau: Tỷ lệ tiền mặt ngoài hệ thống ngân hàng (s) 0,3 Tỷ lệ dữ trữ thực tế (r) 0.12 Tiền cơ sở H 125 Vậy số nhân tiền là:

Select one:

a. 2,4

b. 8,0

c. 4,2

d. 3,1

Question 14

Answer saved

Marked out of 1,00

Flag question

Question text

KTHDC: Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ của nền kinh tế có các đại lượng và các hàm số sau: C=400+0,75Y; I=300-50R; G=300. Cầu và cung tiền thực tế MD=500+2Y-100R; MS=1250; Sau đó, Chính phủ tăng chi tiêu là 100, làm thay đổi lãi suất và đầu tư tư nhân:

Select one:

a. Lãi suất giảm 2%; đầu tư tăng 100

b. Lãi suất giảm 1%; đầu tư tăng 50

c. Lãi suất tăng 1%; đầu tư giảm 50

d. Lãi suất tăng 2%; đầu tư giảm 100

Question 15

Answer saved

Marked out of 1,00

Flag question

Question text

KTHDC: Thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ thực tế là 10%, tỷ lệ giữ tiền mặt của dân chúng (so với tiền gửi) là 40%, lượng tiền cơ sở là 500. Giả sử cầu về tiền không phụ thuộc vào thu nhập và có hàm cầu tiền thực tế là MD=2500-100R. Thị trường hàng hóa có ; C=100+0,6Y; I=500-40R; G=400. Trong đó: R là lãi suất (%) Để sản lượng tăng 300, bằng chính sách tiền tệ ngân hàng trung ương phải thay đổi lượng tiền cơ sở:

Select one:

a. Tăng 600

b. Giảm 214

c. Tăng 214,3

d. Tăng 300

**Bài số 8**

1: Giả sử chính phủ muốn kích thích đầu tư nhưng hầu như không thay đổi thu nhập, theo bạn chính phủ cần sử dụng chính sách nào?

Select one:

a. Giảm chi tiêu của chính phủ kèm với chính sách tiền tệ mở rộng

b. Giảm thuế thu nhập đi kèm với chính sách tài khoá mở rộng

c. Trợ cấp cho đầu tư đi kèm với chính sách tiền tệ mở rộng

d. Giảm thuế đi kèm với chính sách tiền tệ chặt

2: Trong mô hình IS-LM, chính phủ áp dụng chính sách tài khóa thu mở rộng và chính sách tiền tệ thu hẹp. Lúc này:

Select one:

a. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng; và Lãi suất chắc chắn sẽ tăng: đều sai

b. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng

c. Lãi suất chắc chắn sẽ tăng

d. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng; và Lãi suất chắc chắn sẽ tăng: đều đúng

3: Trong mô hình IS-LM, nếu sản lượng cao hơn sản lượng tiềm năng thì chính phủ nên áp dụng:

Select one:

a. Chính sách tài khóa mở rộng; tiền thắt chặt

b. Chính sách tài khóa thu hẹp; tiền tệ thắt chặt

c. Chính sách tài khóa mở rộng; tiền tệ mở rộng

d. Chính sách tài khóa thu hẹp; tiền tệ mở rộng

4: Khoảng cách dịch chuyển của đường IS bằng:

Select one:

a. Mức thay đổi của I,G hoặc X chia cho số nhân

b. Mức thay đổi của I,G hoặc X nhân với số nhân

c. Một nửa mức thay đổi của I,G hoặc X

d. Mức thay đổi của I,G hoặc X

Question 1

KTHDC: Tác động lấn át đầu tư của Chính sách tài khóa (mô hình IS-LM) nghĩa là:

Select one:

a. Giảm chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất, dẫn đến giảm đầu tư

b. Giảm chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất, dẫn đến tăng đầu tư

c. Tăng chi tiêu của chính phủ làm tăng lãi suất, dẫn đến giảm đầu tư

d. Tăng chi tiêu của chính phủ làm giảm lãi suất, dẫn đến tăng đầu tư

Question 2

KTHDC: Với đường IS và LM có độ dốc thông thường, chính sách tài khoá thắt chặt sẽ:

Select one:

a. Làm tăng lãi suất và làm giảm thu nhập

b. Làm giảm thu nhập và lãi suất

c. Dịch chuyển đường IS sang phải

d. Dịch chuyển LM sang trái

Question 3

KTHDC: Khoảng cách dịch chuyển của đường IS bằng:

Select one:

a. Mức thay đổi của I,G hoặc X chia cho số nhân

b. Mức thay đổi của I,G hoặc X nhân với số nhân

c. Một nửa mức thay đổi của I,G hoặc X

d. Mức thay đổi của I,G hoặc X

Question 4

KTHDC: Đường thể hiện sự phối hợp giữa GDP thực tế và lãi suất mà tại đó cầu tiền bằng với cung tiền được gọi là:

Select one:

a. Đường cầu về đầu tư

b. Đường cầu về tiền

c. Đường IS

d. Đường LM

Feedback

The correct answer is: Đường LM.

Question 5

KTHDC: Đường IS cho biết:

Select one:

a. Sản lượng càng tăng ảnh hưởng đến lãi suất càng giảm

b. Lãi suất được xác định trong điều kiện thị trường tiền tệ cân bằng

c. Các câu đều đúng

d. Mọi điểm thuộc đường IS được xác định trong điều kiện thị trường sản phẩm cân bằng

Question 6

KTHDC: Sự thay đổi nào dưới đây sẽ làm thay đổi độ dốc của đường IS

Select one:

a. Sự nhạy cảm của tổng cầu với lãi suất

b. Xu hướng tiết kiệm cận biên

c. Thuế suất

d. Sự nhạy cảm của cầu tiền với lãi suất

Feedback

The correct answer is: Sự nhạy cảm của tổng cầu với lãi suất.

Question 7

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, nếu sản lượng thấp hơn sản lượng tiềm năng thì chính phủ nên áp dụng:

Select one:

a. Chính sách tài khóa mở rộng

b. Các câu đều đúng

c. Chính sách tiền tệ mở rộng

d. Chính sách tài khóa mở rộng; và tiền tệ mở rộng

Question 8

KTHDC: Đường thể hiện sự phối hợp sản lượng thực tế và lãi suất mà tại đó tổng chi tiêu dự kiến bằng sản lượng thực tế được gọi là:

Select one:

a. Đường IS

b. Đường cầu về đầu tư

c. Đường LM

d. Đường tổng cầu

Question 9

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, nếu chi tiêu của chính phủ và thuế tăng cùng một lượng như nhau thì:

Select one:

a. Thu nhập sẽ giữ nguyên vì đường IS không thay đổi

b. Thu nhập sẽ chỉ tăng nếu ngân hàng trung ương cũng tăng cung tiền

c. Cả thu nhập và lãi suất cùng tăng

d. Thu nhập cùng tăng một lượng tương ứng

Question 10

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, chính phủ áp dụng chính sách tài khóa thu mở rộng và chính sách tiền tệ thu hẹp. Lúc này:

Select one:

a. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng; và Lãi suất chắc chắn sẽ tăng: đều sai

b. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng

c. Sản lượng chắc chắn sẽ tăng; và Lãi suất chắc chắn sẽ tăng: đều đúng

d. Lãi suất chắc chắn sẽ tăng

Question 11

KTHDC:Cho các hàm số : MD=800+0,5Y-100R; với R là lãi suất. Tiền cơ sở H=700; Tỷ lệ tiền mặt ngoài ngân hàng so với tiền ký gửi là 80%. Tỷ lệ dự trữ chung là 10%. Phương trình của đường LM có dạng:

Select one:

a. r=-6+0,005Y

b. r=6+0,005Y

c. r=-6-0,005Y

d. r=6-0,005Y

Question 12

KTHDC:Cho các hàm số : C=500+0,75Yd; I=500-20R; G=200; T=0,2Y ; X=100;IM=100+0,1Y; Md=1000+2,5Y-200R; Ms=4500 Phương trình đường LM là:

Select one:

a. Y = 2400 + 40R

b. Y = 1400 + 20R

c. Y = 1400 + 40R

d. Y = 1400 + 80R

Question 13

KTHDC:Cho các hàm số : C=550+0,75Yd; I=500-20R; G=200; T=0,2Y ; X=100; IM=100+0,1Y Md=1000+2,5Y-200R; Ms=4500 Lãi suất và sản lượng cân bằng chung:

Select one:

a. Y=2133,333; R=9,167

b. Y=1800; R=3

c. Y=3600; R=3

d. Y=2066,667; R=8,333

Question 14

KTHDC: Trong mô mình IS-LM, thị trường tiền tệ cho tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%, tỷ lệ dữ tiền mặt của dân chúng so với tiền gửi là 20%. Cầu tiền Md =2Y+1000-200R. Mức giá là 2. Trên thị trường hàng hóa có C = 200+0,8Y, I = 600-40R, G = 600. Để sản lượng đạt 6000 thì lượng cung tiền cơ sở phải bằng 6000. Muốn sản lượng tăng thêm 500 thì lượng cung tiền cơ sở phải thay đổi bao nhiêu?

Select one:

a. -500

b. -600

c. 600

d. 500

Question 15

KTHDC: Trong mô hình IS-LM, lãi suất được quyết định bởi:

Select one:

a. Mức cầu và lượng tiền cung ứng

b. Mối quan hệ giữa thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ

c. Tiết kiệm và đầu tư

d. Mối quan hệ giữa tiết kiệm đầu tư và lượng cung ứng tiền

**Bài kiểm tra giữa kì**

1. Một nền kinh tế tổ chức sản xuất có hiệu quả với ngồn tài nguyên khan hiếm khi:
   1. Không thể gia tăng sản lượng của mặt hàng này mà không cắt giảm sản lượng của mặt hàng khác
   2. Gia tăng sản lượng của mặt hàng này buộc phải giảm sản lượng của mặt hàng khác
   3. Các câu trên đều đúng
   4. Nằm trên giới hạn khả năng sản xuất
2. Kinh tế học là môn khoa học xã hội nghiên cứu cách thức:
   1. Lẩn tránh vẫn đề khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau và cạnh tranh nhau
   2. Tạo ra vận may cho cá nhân trên thị trường chứng khoán
   3. Quản lý doanh nghiệp sao cho có lãi
   4. Phân bổ nguồn lực khan hiếm cho nhiều khả năng sử dụng khác nhau
3. Thị trường sản phẩm X có hàm số cung và cầu có dạng

QD = 200 – 5P QS = 20 +4P

Giá cả cân bằng và sản lượng cân bằng sản phẩm X là:

1. P = 100 và Q = 20
2. P = 200 và Q = 40
3. P = 20 và Q = 200
4. P = 20 và Q = 100
5. Hàm số cung và cầu sản phẩm X có dạng: P = Q + 5 và P = -1/2Q + 20

Muốn giá cân bằng P = 18, thì hàm cung mới có dạng

1. P = Qs + 13
2. P = Qs - 13
3. P = Qs + 14
4. P = Qs - 14
5. Nếu giá là 8 USD thì lượng cung là 750 kg/ngày; nếu giá là 6 USD thì lượng cung là 550kg/ngày. Độ co giãn của cung theo giá xấp xỉ bằng:
   1. -0.93
   2. 1.06
   3. 0.93
   4. -1.06
6. Khi giá thịt gà tăng lên 2,5% thì lượng cung cầu đối với thịt bò tăng lên 4%. Độ co giãn chéo giữa thịt bò và giá thịt gà bằng:
   1. -1.6
   2. -2
   3. 1.6
   4. 2
7. Theo quy luật dụng ích cận biên giảm dần, khi tiêu dùng thêm nhiều đơn vị hàng hóa cùng loại thì tổng dụng ích:
   1. Giảm và cuối cùng tăng lên
   2. Tăng với tốc độ giảm dần
   3. Giảm với tốc độ giảm dần
   4. Giảm với tốc độ tăng dần
8. Thu nhập là I; số lượng hàng hóa X là Qx, hàng hóa Y là Qy; giá hàng hóa X là Px, hàng hóa Y là Py. Phương trình đường ngân sách là:
   1. Qx = I + (Px/Py).Qx
   2. I = Px/Qx + Py/Py
   3. I = Qx + (Py – Qy) / Px
   4. I = Px.Qx + Py.Qy
9. Nếu Px = 10; Py = 400 và I = 800 thì đường ngân sách có dạng:
   1. Y = 20 + 1/4X
   2. Y = 20 – 4X
   3. Y = 20 – 1/4X
   4. Y = 10 + 4X
10. Một người tiêu thụ có thu nhập dùng để mua 2 sản phẩm X và Y. Dụng ích của người tiêu dùng được thế hiện qua hàm số: TUx = (-3/2)X2 + 2X; TUy = (-1/2)Y2 + ()
    1. MRSyx = (-3X+2)/(-Y+10)
    2. MRS xy = (-3X+2)/(Y+10)
    3. MRSyx = (-X+10)/(-3Y+2)
    4. Tất cả đều sai
11. Nếu MUA = 1/QA; MUB = 1/QB, giá của A là 50USD/sp, giá của B là 400 USD/sp và thu nhập của người tiêu dùng là 12000 USD. Để tối đa hóa thỏa mãn
    1. A = 24, B = 27
    2. A = 120, B = 15
    3. A = 48, B = 24
    4. Không có đáp án đúng
12. Năng suát cận biên vốn là:
    1. Chênh lệch sản lượng khi sử dụng thêm 1 đơn vị lao động với lượng vốn không đổi
    2. Tông sản phẩm chia cho tổng số vốn
    3. Chênh lệch sản lượng khi sử dụng thêm 1 đơn vị vốn với lượng lao động không đổi
    4. Tổng sản phẩm chia cho tổng số
13. Đường tổng sản lượng càng dốc:
    1. Sản phẩm cận biên càng thấp
    2. Tổng chi phí cang cao
    3. Mức sản lượng cang cao
    4. Sản phẩm cận biên càng cao
14. Trong một nền kinh tế học, ngắn hạn đề cập đến giai đoạn:
    1. Dưới một năm
    2. Trong đó ít nhất có một yếu tố đầu vào cố định và một đầu vào biến đổi
    3. Trong đó tất cả các yếu tố đầu vào đều cố định
    4. Trong đó tất cả các yếu tố đầu vào đều
15. Giả sử mức sản phẩm biên của công nhân thứ nhất, thứ hai, thứ ba lần lượt là 10, 9, 8. Tổng số sản phẩm khi thuê 3 công nhân bằng:
    1. Mức sản phẩm biên của công nhân thứ 3 nhân với lượng công nhân: 8x3=24
    2. Tổng mức sản phẩm biên của 3 công nhân
    3. Tổng sản phẩm biên của 3 công nhân = 10+9+8=27
    4. Mức sản phẩm biên trung bình của
16. Cho hàm sản xuất: Q = 2K(L-2)

Hàm năng suất biên của các yếu tố K và L là:

1. Tất cả đáp án đều sai
2. MPK = 2K; MPL = L-2
3. MPK = 2L-4; MPL = 2K
4. MPK = L-2; MPL = 2K
5. Hàm tổng chi phí ngắn hạn của một công ty được cho bởi phương trình: TC = 190 + 53Q (đơn vị tính 10.000). Nếu sản xuất 100.000 đvsp, chi phí biên
   1. 19
   2. 53
   3. 72
   4. Không có đáp án đúng
6. Đối với một nhà độc quyền, sự thay đổi tổng tổng doanh thu do bán thêm một đơn vị sản phẩm
   1. Bằng giá sản phẩm
   2. Nhỏ hơn giá sản phẩm
   3. Lớn hơn chi phí cận biên
   4. Lớn hơn giá sản phẩm
7. Để tối đa hóa lượng bán mà không bị lỗ, doanh nghiệp độc quyền nên sản xuất theo nguyên tắc:
   1. MC = MR
   2. MC = P
   3. AC = P
   4. P = AC min
8. Điểm hòa vốn xảy ra ở mức sản lượng mà tại đó:
   1. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí biến đổi
   2. Hãng chịu thua lỗ
   3. Hãng có lợi nhuận kinh tế
   4. Chi phí bình quân nhỏ nhất
9. Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của DN: TC = 255 +10Q +Q2. Giá và sản lượng hòa vốn của DN là:
   1. P = 41,937; Q = 15,968
   2. P = 25; Q = 7,5
   3. P = 10; Q = 0
   4. P = 15,698; Q = 41,937
10. Hàm chi phí sản xuất ngắn hạn của một DN cạnh tranh hoàn hảo: AFC = 132,3/Q; AVC = 1,2\*Q+8. Khi giá thị trường là 50, sản lượng để đạt lợi nhuận cực đại của DN là:
    1. Q = 16
    2. Q = 17,5
    3. Q = 40
    4. Q = 0
11. Một DN có phương trình đường cung trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo:

Qs = 0,5Ps – 5; FC = 255

Khi giá thị trường là 50 lợi nhuận cực đại của doanh nghiệp là: